

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HC-ST

Ngày: 11 / 8 /2023

V/v “*Khiếu kiện yêu cầu
hủy quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc A

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Công Kh

2. Ông Nguyễn Phi H

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Ngọc Hoài L - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 28/2022/TLST-HC ngày 28 tháng 7 năm 2022 và thụ lý bổ sung số 28B/2021/TLST-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HC ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 55/2023/QĐST-HC ngày 23/6/2023 xét xử sơ thẩm giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1935; Địa chỉ: Tổ... thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số ... PhVB, Phường xx, quận TB, Thành phố H. Có mặt

***Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ; Địa chỉ: Số...TP, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông HK - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn T... - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HV, thành phố Đ. Có mặt

- Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HV, thành phố Đ;
Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện HV, xã HP, huyện HV, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T... - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HV, thành phố Đ. Có mặt

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ; Địa chỉ: Số..., quận HC, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông HK... - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Vắng mặt

- Ủy ban nhân dân xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ. Địa chỉ: Xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ. Vắng mặt

- Ông Nguyễn L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ ... thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Lương L, sinh năm 1988 (có mặt) và bà Lê Thị Xuân H, sinh năm 1988 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: Tổ ... thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ ..., thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ. Vắng mặt

- Ông Nguyễn D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số ... PhVB, Phường ..., quận TB, thành phố H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn D trình bày:***

Nguyên trước đây, bà T cùng chồng là ông Nguyễn Ph (sinh năm 1923) có khai hoang được diện tích đất 1300m² tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ và có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg tại địa phương theo thông tin như sau: thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, diện tích 1300m², loại đất T (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61 có diện tích 1666,2m²).

Trong suốt quá trình quản lý, sử dụng đất thì vợ chồng bà T đã tiến hành xây dựng nhà ở và các công trình kiến trúc khác trên đất có diện tích xây dựng khoảng 300m² để sinh sống và ở ổn định từ trước cho đến nay. Ngoài ra, phần đất xung quanh ngôi nhà còn được vợ chồng bà T sử dụng làm khuôn viên trong vườn nhà. Vợ chồng bà T cũng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính hằng năm đối với quyền sử dụng đất nêu trên theo đúng quy định của Nhà nước. Nhà đất hiện nay bà T và các cháu 5 nhân khẩu) đang cùng sinh sống thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ

hiện trạng số 61, tọa lạc tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ với diện tích đất thực tế sử dụng là 1666,2m².

Năm 2020 chồng bà T chết, hàng thừa kế thứ nhất của chồng bà T hiện nay còn sống gồm bà Trần Thị T và 03 người con là Nguyễn L, Nguyễn Thị K và Nguyễn D.

Đến đầu năm 2021, Nhà nước triển khai dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung) nên đã tiến hành thu hồi toàn bộ nhà đất của gia đình bà T. Theo đó, vào ngày 22/4/2021 UBND huyện HV ban hành Quyết định số 1291/QĐ-UBND về việc thu hồi đất có nội dung như sau:

“Thu hồi thửa đất có diện tích 1666,2m², thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61 (Biên bản kê khai nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã xác nhận, nội dung: ông Nguyễn Ph tự khai phá và làm nhà ở từ năm 1975 đến nay có đăng ký Chỉ thị 299/TTg thửa đất 292 tờ 4 DT 1300,0m² đất T, nhưng đến kê khai đất đai theo ND 64/CP do không biết nên gia đình không đăng ký. Đối chiếu bản đồ 64/CP thửa trống tờ 7 và thửa 192/7 DT 260,0m² đất T cấp cho ông Nguyễn L, ông L đã hoán đổi đi chỗ khác giao đất cho ông Ph là đúng), do ông (bà): Nguyễn Ph (chết) – Trần Thị T sử dụng tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ.

Lý do thu hồi: Để xây dựng Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố (Đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung) tại huyện HV.

Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HV xác lập tại sơ đồ kèm theo Quyết định này.”

Mặc dù đã ban hành quyết định thu hồi đất như trên nhưng phía UBND huyện HV lại không có bất kỳ động thái nào về việc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với gia đình bà T để làm cơ sở áp dụng các chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau này. Trong khi đó, bà T chỉ nhận được Thông báo số 178/TB-HĐBTTH ngày 26/4/2021 của Hội đồng BTTH huyện HV về việc nhận tiền bồi thường thiệt hại, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng không hề nhận được bất kỳ quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nào từ phía UBND huyện HV cả. Nội dung cụ thể của thông báo như sau:

“1. Về mức bồi thường, hỗ trợ:

Đường rộng từ 3,5m – dưới 5,0m ($350.000 \times 1,7 = 595.000đ/m^2$).

- Hỗ trợ 50% giá đất ở cho DT 300,0m². Bồi thường 100% giá đất trồng rừng (đơn giá 14.000đ/m²) diện tích 1366,2m².

- Hỗ trợ 80% nhà, VKT, cây cối hoa màu theo QĐ 38/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017.

2. Tổng giá trị phê duyệt đền bù theo quy định: 562.403.580 đồng.

3. Về giải quyết đất tái định cư:

** Tại Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV:*

- Bố trí 01 (một) lô đất đường 7,5m tại Khu tái định cư phục vụ giải tỏa tuyến đường vành đai phía Tây xã H Ph.

- Áp dụng thu tiền sử dụng đất tái định cư theo mặt bằng giá của Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND thành phố nhân hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 11/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Đ.”

Trong thông báo này, gia đình bà T thấy Hội đồng BTTH huyện HV có đề cập đến Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV nhưng do gia đình bà T chưa nhận được quyết định nói trên nên đã nhiều lần liên hệ Văn phòng UBND huyện HV cũng như Ban giải phóng mặt bằng huyện HV để xin được nhận bản chính hoặc bản sao quyết định nhưng đều bị từ chối. Đến ngày 28/3/2022, sau khi gặp trực tiếp đồng chí Chủ tịch UBND huyện HV thì gia đình mới được nhận bản photo *Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV* với nội dung:

“*Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết cho 05 hồ sơ thuộc dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố (đợt 52):*

1. Giá trị phê duyệt: 671.819.787

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 658.646.850 đồng

b) Chi phí phục vụ giải tỏa (2%) : 13.172.937 đồng

2. Bố trí tái định cư: Có phụ lục kèm theo.

3. Đơn vị chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông

4. Đơn vị giải phóng mặt bằng : Ban giải phóng mặt bằng huyện.

5. Đơn vị phối hợp thực hiện : UBND các xã H Ph, HP và các Sở ban ngành có liên quan.

6. Nguồn kinh phí chi trả : Vốn chi trả của dự án.

Phụ lục kèm theo nội dung:

“1. Về mức bồi thường, hỗ trợ:

Đường rộng từ 3,5m - dưới 5,0m ($350.000 \times 1,7 = 595.000đ/m^2$)

- Hỗ trợ 50% giá đất ở cho DT 300,0m². Bồi thường 100% giá đất trồng rừng (đơn giá 14.000đ/m²) diện tích 1366,2m².

- Hỗ trợ 80% nhà, VKT, cây cối hoa màu theo QĐ 38/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017.

Tổng giá trị phê duyệt đền bù theo quy định: 562.403.580 đồng.

Bố trí tái định cư:

- Bố trí 01 (một) lô đất đường 7,5m tại Khu tái định cư phục vụ giải tỏa tuyến đường vành đai phía Tây xã H Ph.

- Áp dụng thu tiền sử dụng đất tái định cư theo mặt bằng giá của Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND thành phố nhân hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 11/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Đ.

Bà T nhận thấy toàn bộ quá trình công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các quyết định, thông báo nêu trên của UBND huyện HV đối với gia đình bà là không phù hợp với quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến nơi ăn chốn ở cũng như quyền lợi hợp pháp của gia đình bà. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về vấn đề gửi văn bản, thông báo: Gia đình bà T không nhận được bất kỳ quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nào từ phía UBND huyện HV mà chỉ nhận được thông báo lên nhận tiền. Khi biết về thông tin có quyết định thì gia đình yêu cầu được nhận thì không được phía UBND huyện HV giao theo quy định của pháp luật. Đến khi gia đình đến gặp trực tiếp đồng chí Chủ tịch UBND huyện HV thì mới được tiếp cận bản photo quyết định này. Do đó, bà T cho rằng gia đình

bà không được tiếp cận đầy đủ về công tác giải tỏa, đền bù dẫn đến quyền và lợi ích của gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Thứ hai, về vấn đề công nhận quyền sử dụng đất: Phía UBND huyện H tiến hành thu hồi toàn bộ diện tích 1666,2m² đất của gia đình bà T nhưng lại không ban hành bất kỳ quyết định công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nào cho gia đình. Hơn nữa, trong 1666,2m² bị thu hồi thì chỉ có 300m được xác định là đất ở, còn 1366,2m² đất còn lại được xác định là đất trồng rừng là chưa phù hợp, không đúng quy định của pháp luật. Trong khi đó, toàn bộ diện tích đất 1666,2m² đã được cả gia đình bà T sử dụng với mục đích đất ở từ trước năm 1975, có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, đã làm nhà ở ổn định và cũng đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất ở cho Nhà nước theo quy định của pháp luật. Do đó, toàn bộ diện tích đất trên khi thu hồi phải được công nhận là đất ở.

Thứ ba, về vấn đề bồi thường, hỗ trợ: Vì chỉ xác định 300m² là đất ở nên việc bồi thường về đất của UBND huyện HV đối với gia đình bà T là không chính xác (và chỉ áp giá 50% giá đất ở). Do đó, cần phải bồi thường về đất cho gia đình bà T đối với toàn bộ diện tích đất thực tế sử dụng theo đơn giá 100% đất ở nông thôn. Ngoài ra, các khoản bồi thường, hỗ trợ khác cũng chưa được UBND huyện HV giải quyết thỏa đáng và cần phải khắc phục. Bản thân vợ chồng bà T thuộc đối tượng người có công Cách mạng và đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì vào năm 2001 nên cần phải được xem xét các khoản hỗ trợ thêm.

Thứ tư, về vấn đề tái định cư: Trong khi thu hồi diện tích đất lên tới 1666,2m² nhưng UBND huyện HV lại chỉ bố trí cho gia đình bà T một lô đất tái định cư và phải nộp số tiền sử dụng đất thì quá thiệt thòi cho gia đình bà. Bởi lẽ, từ một gia đình có nhà ở ổn định, thuận lợi cho việc sinh sống và làm ăn thì nay giải tỏa gia đình bà phải đóng cho Nhà nước số tiền quá lớn, trong khi tiền đền bù về đất, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác vẫn không được UBND huyện Hòa Vang giải quyết thỏa đáng. Hơn nữa, cả gia đình bà T gồm nhiều thế hệ (05 nhân khẩu) mà chỉ được bố trí 01 lô đất như vậy thì không đảm bảo nơi ăn chốn ở cho gia đình - có cả phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi biết sinh sống ở đâu?

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình, nay bà Trần Thị T khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

1. Hủy các quyết định:

- Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ;

- Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố (đợt 52).

2. Buộc UBND huyện HV công nhận toàn bộ diện tích đất 1666,2m², thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61, tọa lạc tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ do gia đình tôi đang quản lý, sử dụng là đất ở nông thôn.

3. Buộc UBND huyện HV ban hành lại các quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình bà T đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61, tọa lạc tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn D là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T đã có thay đổi một số nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Ông Nguyễn D rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, vì Quyết định này đã bị Quyết định số 9441/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện HV, thành phố Đ hủy bỏ phần phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Ph (chết) và bà Trần Thị T. Ngày 06/12/2022, ông Nguyễn D có Đơn yêu cầu thụ lý bổ sung để hủy một phần Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (hủy phần của hộ ông Nguyễn Ph (c), bà Trần Thị T); Ngày 17/3/2023, ông Nguyễn D tiếp tục có Đơn yêu cầu thụ lý bổ sung để hủy Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn D xác định yêu cầu khởi kiện là tuyên hủy các quyết định:

- Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ;

- Hủy một phần Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (hủy phần của hộ ông Nguyễn Ph (c), bà Trần Thị T)

- Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế.

** Người bị kiện là UBND thành phố Đ có Văn bản số 485/UBND-HHV ngày 07/02/2023 và UBND huyện HV, thành phố Đ có Văn bản số 2943/UBND-TNMT ngày 15/11/2022 có ý kiến trình bày:*

Về nguồn gốc sử dụng đất:

Diện tích sử dụng: 1666,2m²; diện tích thu hồi: 1666,2m²

Đối chiếu hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, đất thổ cư do nhiều người kê khai: Ông Nguyễn Ph (1.300m²); bà Nguyễn Thị C (2.060m²); ông Nguyễn H (1.400m²); bà Mạc Thị T (1.600m²), bà Lê Thị S (2.300m²). Qua kiểm tra sổ đăng ký lập theo Chỉ thị 299/TTg thì ông Nguyễn Ph đăng ký tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, diện tích: 500m² đất thổ cư và 800m² đất màu.

Đối chiếu bản đồ đo đạc theo Nghị định 64/CP thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 7, diện tích 248.141m², đất trồng rừng và thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260,0m² đất thổ cư do ông Nguyễn L kê khai (ông L là con của ông Nguyễn Ph).

Hiện trạng: nhà

Về Kết quả giải quyết đối với hồ sơ số 153HP – hộ ông Nguyễn Ph (chết) – bà Trần Thị T:

a) Trên cơ sở các văn bản sau:

- Biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư cuộc họp xác định: gia đình ông Nguyễn Ph – Trần Thị T từ năm 1975 cho đến nay sử dụng nhà, đất ổn định. Ý kiến của các hộ sử dụng đất liền kề cùng thời điểm: từ tháng 3 năm 1975 gia đình ông Nguyễn Ph – Trần Thị T về lại quê cũ khai phá đất hoang làm nhà làm vườn sinh sống. Cùng về quê khai phá đất trong đó hộ liền kề như hộ ông Mạc B, Mạc T, Nguyễn H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị C...

- Làm nghĩa vụ thuế từ năm 1978 – 2000.

Đóng thuế nhà, đất từ năm 2000 – 2015. Năm 2015 được Nhà nước miễn thuế nhà đất cho những người có công cách mạng, gia đình chính sách gia đình ông Ph nằm trong diện chính sách đó.

- Theo xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng nhà, đất ngày 16/9/2019: Đất ông Nguyễn Ph tự khai phá và làm nhà ở từ năm 1975 đến nay, có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.300m², đất thổ cư. Nhưng đến khi kê khai đất đai theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, do không biết nên gia đình không đăng ký kê khai. Đối chiếu bản đồ đo theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thuộc đất không thể hiện thửa và thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260,0m² đất T do ông Nguyễn L kê khai (hiện ông L đã ở chỗ khác và giao lại cho ông Ph). Ông Ph có một ngôi nhà duy nhất tại thôn HP, xã H Ph.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã H Ph và các giấy tờ do gia đình cung cấp, UBND huyện HV đã ban hành Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 phê duyệt: Hỗ trợ 50% giá đất ở cho DT 300,0m². Bồi thường 100% giá đất trồng rừng (đơn giá 14.000đ/m²) diện tích 1366,2m². Bồi thường 100% nhà, VKT, cây cối hoa màu theo QĐ 38/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017. Bố trí 01 lô đất đường 7.5 tại khu TĐC phục vụ giải tỏa đường vành đai phía Tây thành phố tại xã H Ph.

b) Tuy nhiên, do chủ hộ đề nghị được bồi thường, công nhận toàn bộ diện tích đất ở đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ nên UBND huyện đã tổ chức họp rà soát tính pháp lý nhà – đất của hồ sơ này.

Qua kiểm tra, ông Nguyễn L được UBND huyện HV cấp Giấy QSDĐ số H694173 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260,0m² đất ở, xã H Ph. Sau đó, thửa đất này đã được thu hồi, di dời do ảnh hưởng thiên tai sang thửa đất số 367, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở 400m², đất vườn 530m², cụ thể:

+ Ông Nguyễn L Đơn xin hoán đổi đất ở để tránh lũ ngày 01/4/2004.

+ Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 04/5/2004 của UBND huyện HV về việc cho phép chuyển đổi vị trí đất ở và đất vườn với nội dung: Cho phép hộ ông Nguyễn L được phép chuyển đổi vị trí đất ở và đất vườn như sau: Thu hồi diện tích

260m², thửa 192, tờ bản đồ số 7 mục đích sử dụng: Đất ở trong Giấy QSDĐ số H694173 do UBND huyện HV cấp cho ông Nguyễn L đứng tên. Nay cho phép hộ ông Nguyễn L được sử dụng diện tích 930m², thuộc thửa số 367, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở 400 m², đất vườn 530 m².

+ Quyết định số 5718/QĐ-UB ngày 02/7/2004 của UBND huyện HV về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 930m² đối với hộ ông Nguyễn L.

+ Quyết định 2104/QĐ-UB ngày 22/6/2004 của UBND huyện về việc miễn giảm tiền sử dụng đất cho hộ dân cư được bố trí đất ở trong trường hợp phải di dời do ảnh hưởng thiên tai tại đối với ông Nguyễn L.

Qua kiểm tra, vị trí nhà của hồ sơ 153 nằm tại vị trí thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260,0m² đất thổ cư do ông Nguyễn L kê khai. Do đó, ngày 4/11/2021, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã điều chỉnh Biên bản họp xét tính pháp lý nhà đất và điều chỉnh phê duyệt thành: Không bồi thường thiệt hại về đất diện tích 1.666,2m². Hỗ trợ 80% nhà, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND thành phố Đ.

Ngày 16/12/2021, UBND huyện HV đã ban hành Quyết định số 9441/QĐ-UBND hủy kết quả phê duyệt tại Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 và phê duyệt lại theo Biên bản họp xét tính pháp lý nhà đất ngày 4/11/2021.

c) Do chủ hộ kiến nghị, xét hoàn cảnh ông Nguyễn Ph đã chết, bà Trần Thị T già yếu và sinh sống tại ngôi nhà này từ năm 1975 đến nay nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã trình UBND thành phố ban hành Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022, nội dung phê duyệt (trên cơ sở chủ hộ chấp hành bàn giao mặt bằng) như sau: Hỗ trợ 50% giá đất ở cho diện tích 300,0m². Bồi thường 100% giá đất trồng rừng (đơn giá 14.000đ/m²) diện tích 1366,2m². Bồi thường 80% nhà, vật kiến trúc, cây cối hoa màu theo Quyết định 38/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017. Bố trí 01 lô đất đường 7.5 tại khu TĐC phục vụ giải tỏa đường vành đai phía Tây thành phố tại xã H Ph.

Do đó UBND Thành phố Đ và UBND huyện HV có ý kiến như sau:

Việc gia đình ông Nguyễn Ph không đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ do không biết trong khi ông Nguyễn L có hồ sơ đăng ký và được cấp GCN QSDĐ tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260,0m² đất thổ cư là không phù hợp.

Theo Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 14/10/2022 của UBND xã H Ph về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng nhà của bà Trần Thị T bị giải tỏa tuyến đường vành đai phía Tây: Ngôi nhà hiện nay bà T đang ở đối chiếu với bản đồ 64/CP có một phần diện tích hiện nhà (25.96m²/105.47m²) nằm trên thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7. Trước khi di dời do ảnh hưởng thiên tai, vợ chồng ông Nguyễn L sống chung với cha mẹ là ông Nguyễn Ph và bà Trần Thị T. Thực hiện dự án dân tránh lụt: Sau đợt lũ năm 1999 đến năm 2000, một số hộ dân tự phát di dời lên vùng cao để ở, trong đó có hộ ông Nguyễn L (gồm 2 vợ chồng và 3 người con). Tại thời điểm đó hộ ông Nguyễn Ph và bà Trần Thị T không đăng ký di dời, vẫn ở nguyên tại vị trí đất và nhà nêu trên cho đến hiện nay.

Tại thời điểm đo đạc cấp GCN QSDĐ theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì trường hợp có nhà ở trên đất mới được cấp GCN loại đất thổ cư. Việc ông L được xác định trước khi di dời do ảnh hưởng thiên tai, vợ chồng ông Nguyễn L sống chung với cha mẹ là ông Nguyễn Ph và bà Trần Thị T và vị trí ngôi nhà hiện bà Trần Thị T tương đối khớp với vị trí thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7. Thửa đất này cũng đã được di dời do ảnh hưởng thiên tai, ông L cũng được miễn tiền sử dụng đất tại nơi ở mới.

Đề nghị Tòa án xem xét vị trí nhà ông Nguyễn L kê khai theo Nghị định 64/CP tại thửa 192 tờ bản đồ số 7 diện tích 260m² đất thổ cư có trùng với phần diện tích nhà đất của ông Nguyễn Ph, bà Trần Thị T đang ở hay không (Thửa 192 ông Nguyễn L kê khai thay cho ông Ph, bà T).

UBND thành phố Đ và UBND huyện HV báo cáo để Tòa án được biết.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ có Văn bản số 903/UBND-TNMT ngày 19/4/2023 trình bày:*

- Các quy định về việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất:

Tại điểm d, khoản 3, Điều 69 của Luật Đất đai 2013 quy định: “Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai 2013.”

Thành phần hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất được quy định tại khoản 2, Điều 31 của Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của UBND thành phố Đ về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đ gồm:

+ Quyết định thu hồi đất;

+ Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường;

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân phường, xã nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi theo quy định nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường;

+ Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ có trình bày:

Căn cứ các quy định nêu trên, theo nội dung Công văn số 606/BGPMB-BTTĐC ngày 29/7/2022 của Ban Giải phóng mặt bằng huyện (Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường) về việc đề nghị cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ giải tỏa không chấp hành chủ trương giải phóng mặt bằng, theo nội dung Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 25/8/2022 của UBND xã H Ph về việc vận động lần cuối hộ ông Nguyễn Ph (chết) – Trần Thị T nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng triển khai thi công dự án Tuyến đường vành đai phía Tây tại địa bàn xã, Chủ tịch UBND huyện HV đã ban hành Quyết định số 5590/QĐ- UBND ngày 25/8/2022 cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) bà Trần Thị T và những người thừa kế

theo quy định pháp luật để thực hiện dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố.

Theo khoản 6, Điều 17 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện HV ban hành Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 là đã đúng theo quy định pháp luật, đúng theo trình tự, thủ tục ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

**Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng Nguyễn Tấn Kh trình bày:*

Thống nhất giữ nguyên quan điểm theo Công văn số 485/UBND-HHV ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H Ph vắng mặt tại phiên tòa có Đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu mọi ý kiến đã cung cấp cho Tòa án trong quá trình tố tụng.*

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn D và ông Nguyễn Lương L thống nhất với ý kiến trình bày của người khởi kiện.*

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn L, bà Lê Thị Xuân H, bà Nguyễn K trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện.

** Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.*

**** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Tuyên hủy các Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ; Hủy một phần Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (hủy phần của hộ ông Nguyễn Ph (c), bà Trần Thị T). Không chấp nhận tuyên hủy Quyết định số

5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử cũng như các bên đương sự trong quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng. Sau khi nghị án thảo luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ; người có quyền, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND thành phố Đ; UBND xã H Ph, huyện HV; ông Nguyễn L; bà Lê Thị Xuân H và bà Nguyễn Thị K đã triệu tập hợp lệ và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 157 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

1.1. Về thẩm quyền:

Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ; Hủy một phần Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (hủy phần của hộ ông Nguyễn Ph (c), bà Trần Thị T) và Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế. Đây là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính và thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

1.2. Thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 1291/QĐ-UBND ban hành ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ. Ngày 31/3/2022 bà Trần Thị T có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Đ. Trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T đã phát hiện thêm các quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (hủy phần của hộ ông Nguyễn Ph (c), bà Trần

Thị T) và Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế, nên đã có Đơn yêu cầu thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện, việc bà Trần Thị T có đơn khởi kiện các quyết định hành chính nói trên là vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

2. Về nội dung:

2.1. Trước hết Hội đồng xét xử đánh giá tính pháp lý của việc ban hành Quyết định số 1291/QĐ – UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV, thành phố Đ về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai phía Tây thành phố, đoạn từ quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ (phần thu hồi thửa đất có diện tích 1666,2m², thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61 (Biên bản kê khai nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã xác nhận, nội dung: Ông Nguyễn Ph tự khai phá và làm nhà ở từ năm 1975 đến nay có đăng ký Chỉ thị 299/TTg thửa đất 294, tờ 4, diện tích 1300,0m² đất T nhưng đến kê khai đất đai theo Nghị định 64/CP do không biết nên gia đình không đăng ký. Đối chiếu bản đồ 64/CP thửa trống, tờ số 7 và thửa 192/7 diện tích 260m² đất T cấp cho ông Nguyễn L, ông L đã hoán đổi đi chỗ khác giao đất cho ông Ph là đúng), do ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T đang sử dụng đất tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ.

Đất đã thu hồi tại Quyết định số 1291/QĐ – UBND ngày 22/4/2021, theo Biên bản xác minh ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ do UBND xã H Ph, huyện HV cung cấp với nội dung: Nguồn gốc đất đối với thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, đất thổ cư (T), có diện tích 1300m² đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg đứng tên ông Nguyễn Ph, đến kê khai theo Nghị định 64/CP thửa đất nói trên ông Nguyễn Ph không kê khai. Tuy nhiên ông Nguyễn Ph và gia đình vẫn sử dụng và có nhà ở cho đến nay, có đóng thuế sử dụng đất hàng năm (từ 1975 đến nay). Trong thửa đất nói trên, ông Nguyễn L (là con ruột ông Nguyễn Ph) có đăng ký kê khai một phần diện tích đất theo Nghị định 64/CP tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260m². Hiện nay, đối với thửa đất này ông Nguyễn L đã hoán đổi, di dời theo diện bị ảnh hưởng lũ lụt và được cấp GCN QSDĐ tại vị trí khác và không thu tiền sử dụng đất. Vị trí đất cũ của ông Nguyễn L vẫn nằm trong thửa đất mà ông Nguyễn Ph kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Do đó khi lập thủ tục thu hồi đất của ông Ph thì số liệu diện tích đất của ông L không thể hiện trong số liệu diện tích đất của ông Nguyễn Ph. Tuy nhiên trên thực tế theo đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đ xuất thửa giải tỏa trên tuyến đường Vành đai phía Tây thành phố tại thửa 339, tờ bản đồ (diện tích 1666,2m², đất đo theo hiện trạng). Hiện nay ông Nguyễn Ph (chết), vợ ông Nguyễn Ph là bà Trần Thị T đang sống tại thửa đất nêu trên. Trong quá trình tố tụng, UBND huyện HV và UBND thành phố Đ cho rằng: Việc gia đình ông Nguyễn Ph không đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ do không biết trong khi ông Nguyễn L có hồ sơ đăng ký và được cấp GCN QSDĐ tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7, diện tích 260,0m² đất thổ cư là không

phù hợp. Theo Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 14/10/2022 của UBND xã H Ph về việc xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng nhà của bà Trần Thị T bị giải tỏa tuyến đường vành đai phía Tây: Ngôi nhà hiện nay bà T đang ở đối chiếu với bản đồ 64/CP có một phần diện tích hiện nhà ($25.96\text{m}^2/105.47\text{m}^2$) nằm trên thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7. Trước khi di dời do ảnh hưởng thiên tai, vợ chồng ông Nguyễn L sống chung với cha mẹ là ông Nguyễn Ph và bà Trần Thị T. Thực hiện dự án dân tránh lụt: Sau đợt lũ năm 1999 đến năm 2000, một số hộ dân tự phát di dời lên vùng cao để ở, trong đó có hộ ông Nguyễn L (gồm 2 vợ chồng và 3 người con). Tại thời điểm đó hộ ông Nguyễn Ph và bà Trần Thị T không đăng ký di dời, vẫn ở nguyên tại vị trí đất và nhà nêu trên cho đến hiện nay. Tại thời điểm đo đạc cấp GCN QSDĐ theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì trường hợp có nhà ở trên đất mới được cấp GCN loại đất thổ cư. Việc ông L được xác định trước khi di dời do ảnh hưởng thiên tai, vợ chồng ông Nguyễn L sống chung với cha mẹ là ông Nguyễn Ph và bà Trần Thị T và vị trí ngôi nhà hiện bà Trần Thị T tương đối khớp với vị trí thửa đất số 192, tờ bản đồ số 7. Thửa đất này cũng đã được di dời do ảnh hưởng thiên tai, ông L cũng được miễn tiền sử dụng đất tại nơi ở mới. Tuy nhiên ngôi nhà mà ông L kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP thực chất là do ông Ph, bà T tạo dựng, điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 14/10/2022 của UBND xã H Ph, cũng như nội dung xác minh mà UBND xã H Ph cung cấp cho Tòa án.

Như vậy, việc ông Nguyễn Ph kê khai Sổ đăng ký ruộng đất lập theo Chỉ thị 299/TTg là căn cứ pháp lý xác định nguồn gốc đất, khẳng định chủ sở hữu quyền sử dụng đất là ông Ph. Sổ đăng ký ruộng đất lập theo Chỉ thị 299/TTg là một trong những giấy tờ quan trọng chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph, là một trong những căn cứ để được cấp GCN QSDĐ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2013/CP.

Năm 1993, Chính phủ ban hành Nghị định 64/CP quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Năm 1995, UBND huyện HV lập hồ sơ địa chính theo Nghị định 64/CP của Chính phủ quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Tại thời điểm này, mặc dù không kê khai theo Nghị định 64/CP với lý do không biết nhưng gia đình ông Ph, bà T cùng các con vẫn sinh sống trong ngôi nhà và phần diện tích đất mà ông Ph đã kê khai theo Chỉ thị 299/TTg cho đến nay, nhưng chính quyền địa phương đã lập bản đồ và xác định thửa đất của ông Ph, bà T là thửa đất không có số, tờ bản đồ số 7 là chưa sát với thực tế.

UBND huyện HV căn cứ vào bản đồ 64/CP (không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất lập trước ngày 15/10/1993) mà không căn cứ vào Sổ đăng ký ruộng đất lập theo Chỉ thị 299/TTg để xác định người có đất bị thu hồi là trái với quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2013/CP. Khi thu hồi đất, hộ ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T đang quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện HV chỉ căn cứ vào việc thửa đất 192, tờ bản đồ số 7 theo

Nghị định 64/CP đã được cấp GCN QSDĐ cho ông Nguyễn L, sau đó ông L được hoán đổi vị trí đất theo Quyết định 100/QĐ-UB ngày 04/5/2004 của UBND huyện HV mà không xem xét đến nguồn gốc và lịch sử sử dụng đất của gia đình ông Ph, bà T và ông L tại thửa đất 192, tờ bản đồ số 7 theo Nghị định 64/CP đối chiếu với Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, đất thổ cư (T), có diện tích 1300m², để từ đó trừ đi phần diện tích đất ông L kê khai và được cấp GCN QSDĐ với diện tích 260m² theo Nghị định 64/CP, phần diện tích còn lại của ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T trên 1000m² khi bị thu hồi không được xác định là loại đất thổ cư (T) là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người sử dụng đất khi bị thu hồi đất.

Ngoài ra, như đã nói ở trên nguồn gốc đất của ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T sử dụng làm nhà ở liên tục từ sau năm 1975. Quá trình sử dụng có kê khai Sổ đăng ký ruộng đất lập theo Chỉ thị 299/TTg, thửa đất số 294, tờ bản đồ số 4, diện tích 1300m², loại đất thổ cư. Đến thời điểm kê khai theo Nghị định 64/CP, mặc dù ông Nguyễn Ph, bà Trần Thị T không kê khai (do gia đình không biết) nhưng ông, bà tiếp tục sử dụng nhà và đất nói trên cho đến nay. Điều này được thể hiện tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 23/3/2023 do UBND xã H Ph cung cấp; Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 14/10/2022 của UBND xã H Ph; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 17/02/2020; Bản kê khai về nguồn gốc nhà đất của hộ giải tỏa có xác nhận của UBND xã H Ph ngày 16/9/2019; Công văn số 52/UBND-ĐCXD ngày 19/5/2021 của UBND xã H Ph.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 1291/QĐ – UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV, thành phố Đ về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai phía Tây thành phố, đoạn từ quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ (phần thu hồi thửa đất có diện tích 1666,2m², thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61(Biên bản kê khai nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã xác nhận, nội dung: Ông Nguyễn Ph tự khai phá và làm nhà ở từ năm 1975 đến nay có đăng ký Chỉ thị 299/TTg thửa đất 294, tờ 4, diện tích 1300,0m² đất T nhưng đến kê khai đất đai theo Nghị định 64/CP do không biết nên gia đình không đăng ký. Đối chiếu bản đồ 64/CP thửa trống, tờ số 7 và thửa 192/7 diện tích 260m² đất T cấp cho ông Nguyễn L, ông L đã hoán đổi đi chỗ khác giao đất cho ông Ph là đúng), do ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T đang sử dụng đất tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ là không đúng pháp luật.

2.2. Xét Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hồ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (hủy phần của hộ ông Nguyễn Ph (c), bà Trần Thị T) thì thấy:

Xuất phát từ việc khi xét duyệt nguồn gốc đất, chỉ xem xét bản đồ 64/CP (không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất lập trước ngày 15/10/1993) để làm cơ sở thu hồi đất mà không căn cứ vào Sổ đăng ký ruộng đất lập theo Chỉ thị

299/TTg nên xác định đất bị thu hồi của ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T đã kê khai không đúng thực tế quá trình quản lý, sử dụng đất. Do đó, việc phê duyệt giải quyết bồi thường và bố trí đất trên cơ sở đất bị thu hồi không đúng với nguồn gốc, diện tích đất thực tế làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Ngoài ra, việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 về việc phê duyệt mức hỗ trợ và bố trí tái định cư, trong đó có phần của hộ ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T là sai thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013, Quyết định này phải thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đ ban hành.

2.3. *Đối với Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế.* Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện không có yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để Tòa án xem xét đến quyết định cưỡng chế theo quy định tại các Điều 68 và 69 Luật tổ tụng hành chính. Hơn nữa, hiện nay Dự án Tuyến đường Vành đai phía Tây thành phố, đoạn từ quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung, huyện HV, thành phố Đ đang trong giai đoạn nước rút để hoàn thành phục vụ cho việc phát triển kinh tế của thành phố. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc tuyên hủy Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ; Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hỗ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện HV, thành phố Đ (phần của hộ ông Nguyễn Ph (c)-bà Trần Thị T) là trái pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Đồng thời để UBND huyện HV và UBND thành phố Đ xem xét giải quyết lại việc thu hồi đất, phê duyệt mức hỗ trợ, bồi thường và bố trí tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở nên chấp nhận.

Án phí hành chính sơ thẩm người bị khởi kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện HV; UBND thành phố Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị T trong quá trình tố tụng đã có Quyết định về việc miễn tiền tạm ứng án phí hành chính theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TA ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và có Đơn xin miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm với lý do là người lớn tuổi, già yếu và không thể tự tạo

ra thu nhập. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm đối với phần bà Trần Thị T bị bác yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tổ tụng Hành chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với UBND thành phố Đ và UBND huyện HV, thành phố Đ.

Tuyên hủy Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện HV về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa để thực hiện dự án Tuyến đường Vành đai Phía Tây thành phố (đoạn từ Quốc lộ 14B đến khu công nghệ thông tin tập trung), huyện HV, thành phố Đ (phần thu hồi thửa đất có diện tích 1666,2m², thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ hiện trạng số 61 (Biên bản kê khai nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã xác nhận, nội dung: Ông Nguyễn Ph tự khai phá và làm nhà ở từ năm 1975 đến nay có đăng ký Chỉ thị 299/TTg thửa đất 294, tờ 4, diện tích 1300,0m² đất T nhưng đến kê khai đất đai theo Nghị định 64/CP do không biết nên gia đình không đăng ký. Đối chiếu bản đồ 64/CP thửa trống, tờ số 7 và thửa 192/7 diện tích 260m² đất T cấp cho ông Nguyễn L, ông L đã hoán đổi đi chỗ khác giao đất cho ông Ph là đúng), do ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T đang sử dụng đất tại thôn HP, xã H Ph, huyện HV, thành phố Đ.

Hủy một phần Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hồ trợ và bố trí tái định cư đối với hộ giải tỏa dự án Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (hủy phần của hộ ông Nguyễn P (c), bà Trần Thị T).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc tuyên hủy Quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện HV, thành phố Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ph (chết) - bà Trần Thị T và những người đồng thừa kế.

2. Án phí hành chính sơ thẩm, UBND thành phố Đ và UBND huyện HV, thành phố Đ mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

Bà Trần Thị T được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm đối với phần bị bác yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKSNDTP.Đ;
- Cục THADSTP.Đ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Anh

